

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 11 - 2025
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Hương

Ông Trần Gia Phụng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Hoàng Diệp – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Khu G, phường P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: No. 508, L, S, S, D, Dadu D1, T, Đài Loan.

Bị đơn: Anh Ngô Quốc T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ.

(Chị M và anh T đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Trà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Ngô Quốc T đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xích mích. Từ năm 2023 đến nay, chị M đi xuất khẩu lao động tại

Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, nhưng do khoảng cách địa lý cùng những mâu thuẫn vợ chồng trước đó chưa thể hàn gắn nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có 01 con chung là cháu Ngô Gia B, sinh ngày 13/3/2019, hiện cháu đang ở cùng anh T. Do chị M đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nên khi ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị M đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải, đối thoại và từ chối lựa chọn hòa giải viên theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án. Đồng thời, chị ủy quyền cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973, địa chỉ: khu Đ, phường P, tỉnh Phú Thọ nộp, nhận các văn bản tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn - anh Ngô Quốc T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Ngô Quốc T đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2023, chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng càng xa cách và ly thân từ đó đến nay, do vậy, anh T đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh T2 xác định vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Ngô Gia B, sinh ngày 13/3/2019, khi ly hôn, anh T2 đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Anh đề nghị chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung, 3.000.000 đồng/tháng, theo từng tháng, từ tháng 11/2025.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh T2 không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Ngô Quốc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T2 có hộ khẩu thường trú

tại phường P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trà M hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, tuy nhiên chị M ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T1 nộp, nhận các văn bản tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bà T1 đã giao nộp cho Toà đơn khởi kiện, bản tự khai của chị M (đều có chứng thực của Văn phòng K tại Đ) và các tài liệu chứng cứ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh T2 đều đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án; vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải được. Do chị M và anh T2 đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh T2 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp xác định: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Ngô Quốc T đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xích mích. Từ năm 2023 đến nay, chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, nhưng do khoảng cách địa lý cùng những mâu thuẫn vợ chồng trước đó chưa thể hàn gắn nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Do chị M và anh T đều nhất trí thuận tình ly hôn nên cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T là phù hợp với điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có 01 con chung là cháu Ngô Gia B, sinh ngày 13/3/2019. Do chị M đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên hai vợ chồng đều nhất trí giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T 3.000.000 đồng/tháng, theo từng tháng, từ tháng 11/2025. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự

nguyện và phù hợp nên cần xử công nhận thoả thuận về con chung giữa chị M và anh T.

* Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị M, anh T không đề nghị nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M và anh T thuận tình ly hôn trước khi mở phiên toà, do vậy, chị M và anh T mỗi người phải chịu 25% mức án phí. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: chị M phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như vụ án không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025. Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm b, khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà My

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Ngô Quốc T.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: anh Ngô Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Gia B, sinh ngày 13/3/2019, cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 11/2025 cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện hàng tháng.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004208 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ,

tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Trà M số tiền là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Anh Ngô Quốc T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 2, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án
- Lưu HSVA; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Trần Thị Ngọc Hà